

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH V**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HS-ST
Ngày 23 tháng 01 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH V

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nữ Hương Huyền.

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Nguyễn Công Tước và bà Nguyễn Thị Nga.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Tuấn, Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố V.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Tuyết Nhung, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố V, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/01/1997 tại V; nơi Đ ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: tổ dân phố M, phường K, thành phố V, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Lưu Thị T; vợ là Ngô Thị Huyền C và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại (có mặt).

Người bị hại: Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn V, phường K, thành phố V, tỉnh V (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lưu Quang T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn M, phường K, thành phố V, tỉnh V (vắng mặt).

- Chị Trương Thị T- sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn V, phường K, thành phố V, tỉnh V (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 15/4/2018, Nguyễn Văn T, đi bộ từ nhà đến quán Game Netcang ở ngõ 8, đường N, tổ dân phố V, phường K, thành phố V, tỉnh V để chơi game. Khi đến nơi thì gặp anh Nguyễn Minh Đ, (là bạn bè quen biết ngoài xã hội) đang chơi game ở quán. Tại đây, T thấy anh Đ có xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 88B1- 180.20, do không có tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy của anh Đ. Lúc này, T nói với anh Đ mượn xe đi có việc (mục đích để đem đi cầm cố bán lấy tiền), anh Đ đồng ý nên T lấy chìa khóa xe máy anh Đ để trên bàn máy tính rồi điều khiển xe đến nhà anh Lưu Quang T ở tổ dân phố M, phường K, thành phố V để cầm cố. Khi gặp anh T, T nói với anh T đang cần tiền nên muốn cầm cô xe

máy của T, anh T đồng ý nhận cầm cố xe với giá 4.000.000đ nhưng không viết giấy tờ và không thỏa thuận về lãi suất. Sau đó, T giao xe máy cho anh T và anh T đưa cho T 4.000.000đ, T đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên. Sau khi không thấy T trả xe, anh Đ nhiều lần gọi điện thoại nhưng T không nghe máy và không có khả năng chuộc lại xe máy để trả cho anh Đ. Ngày 15/5/2018 anh T sử dụng chiếc xe nhận cầm cố của T làm phương tiện đi lại thì thấy biển kiểm soát xe máy sắp bị tuột ra nên anh T đã tháo biển kiểm soát xe máy cất vào cốp xe rồi điều khiển xe trên đến quán game X6 của chị Nguyễn Thị S, ở tổ dân phố V, phường K, thành phố V, tỉnh V để chơi điện tử thì bị tổ công tác công an phường K tiến hành kiểm tra hành chính nên anh T đã bỏ lại xe máy biển kiểm soát 88B1- 180.20 ở quán và đi bộ về nhà. Phát hiện chiếc xe máy mà anh T bỏ lại quán điện tử là chiếc xe anh Đ bị chiếm đoạt nên cơ quan công an đã tiến hành tạm giữ xe máy, kiểm tra bên trong cốp xe có 01 chiếc biển kiểm soát 88B1- 180.20 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung đã bị vỡ màn hình.

Ngày 17/4/2018, anh Nguyễn Minh Đ có đơn trình báo tới Công an phường K, thành phố V về việc anh bị Nguyễn Văn T lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 88B1- 180. 20. Trị giá thiệt hại về tài sản là 12.000.000đ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 89/KL-HĐĐG ngày 08/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thành phố V kết luận: “01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 88B1- 180.20, màu sơn xanh đen bạc, số khung: 1259FY065447; số máy: HC12E7065565. Đ ký lần đầu ngày 29/12/2015, xe đã qua sử dụng, có giá trị là 10.000.000đ ”.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung thu giữ trong cốp xe là của anh T không liên quan đến hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T.

- Đối với xe máy nhãn hiệu Wave biển kiểm soát 88B1- 180.20 là của bà Trương Thị T (mẹ đẻ Nguyễn Minh Đ) giao cho Đ quản lý thì bị T chiếm đoạt . Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho bà T và không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Đối với số tiền 4.000.000đ do T có được từ việc cầm cố xe của anh Đ, do T đã tiêu sài hết nên không thu hồi được.

Tại Cáo trạng số: 06/CT-VKSTPVY ngày 02/01/2019, Viện kiểm sát Nhân dân thành phố V đã truy tố Nguyễn Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T vẫn khai nhận như đã khai tại Cơ quan điều tra. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Minh Đ, anh Lưu Quang T và chị Trương Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Đối với chị

Trương Thị T đã nhận lại được tài sản, không yêu cầu bồi thường gì. Anh Lưu Quang T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 4.000.000đ do nhận cầm cố xe.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 đến 15 tháng tù. Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Lưu Quang T số tiền 4.000.000đ

Bị cáo Nguyễn Văn T không bào chữa và tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn T tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 10 giờ ngày 15/4/2018, tại quán game Netcang thuộc tổ dân phố V, phường K, thành phố V, tỉnh V, do không có tiền tiêu sai nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy của anh Nguyễn Minh Đ. T nói dối anh Đ là mượn xe máy nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 88B1- 180.20 của anh Đ bảo đi có việc nhưng sau đó đem đi cầm cố cho anh Lưu Quang T được 4.000.000đ rồi tiêu sai hết. Trị giá chiếc xe là 10.000.000đ. Đối với chiếc xe máy đã thu giữ và trả lại cho bà Trương Thị T (là mẹ đẻ anh Đ). Anh T yêu cầu T phải bồi thường số tiền 4.000.000đ.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì T hợp nên trên thuộc tội phạm ít nghiêm trọng.

Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt vì chưa có tiền án tiền sự, nhưng hành vi được thực hiện với lỗi cố ý, động cơ là vụ lợi để chiếm đoạt tài sản của người khác có tổng giá trị là 10.000.000 đồng.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra cũng như phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét thấy: Mặc dù trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật. Mặt khác, hiện tình hình tội phạm trên địa bàn về các tội phạm xâm phạm quyền sở hữu đang có chiều hướng gia tăng. Việc cho bị cáo được cải tạo tại địa phương sẽ không có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bản thân không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét và giải quyết. Đối với số tiền 4.000.000đ của T có được từ việc cầm cố xe máy chiếm đoạt của anh Nguyễn Minh Đ do T đã tiêu hết nên không thu giữ được. Anh T yêu cầu T phải bồi thường số tiền 4.000.000đ. Bị cáo T đồng ý bồi thường cho anh T số tiền này.

[6] Về vật chứng: Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung thu giữ trong cốp xe máy là tài sản của anh T không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã trao trả lại tài sản cho chủ sở hữu, nay các chủ sở hữu không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 88B1- 180.20 do T chiếm đoạt là tài sản của bà Trương Thị T nên cơ quan điều tra đã trả lại cho bà T là đúng pháp luật.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1 Điều 584, Điều 589, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ

luật Dân sự: Buộc Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Lưu Quang T số tiền 4.000.000đ

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự trong hình sự.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh V;
- Viện kiểm sát tỉnh V;
- Viện kiểm sát thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Chi cục thi hành án V;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Nữ Hương Huyền